

**PHỤ LỤC I****UBND HUYỆN GIA LỘC  
TRƯỜNG MN GIA LƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN****Năm: 2024**

*(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**I. THÔNG TIN CHUNG<sup>2</sup>**

Trường Mầm non Gia Lương được thành lập từ năm 1965. Trải qua 58 năm xây dựng, đến nay nhà trường đã phát triển mạnh mẽ về số lượng và chất lượng. Trường đã có 30 năm liên đạt danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến, được tặng nhiều giấy khen cấp huyện.

Trường Mầm non Gia Lương có 2 điểm trường đặt tại trung tâm khu dân cư với tổng diện tích là 6.284 m<sup>2</sup>, hai khu cách nhau 1.5 km. Có 15 phòng học được xây dựng kiên cố, có nhà vệ sinh liền kề. Trang thiết bị nội thất, đồ dùng đồ chơi của 15 phòng học đáp ứng cơ bản theo yêu cầu. Có 02 bếp ăn được xây dựng theo quy trình bếp ăn một chiều.

\* Về chức năng nhiệm vụ:

- Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ ba tháng tuổi đến sáu tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; Tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá hoặc theo yêu cầu tối thiểu đối với vùng đặc biệt khó khăn.

- Phối hợp với gia đình trẻ em, tổ chức và cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng.

- Thực hiện kiểm định chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo quy định.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt:

a) Vị trí việc làm gắn với chức danh, chức vụ lãnh đạo của đơn vị sự nghiệp công lập:

- Hiệu trưởng: Đại học sư phạm
- Phó hiệu trưởng: Đại học sư phạm

b) Vị trí việc làm thực thi thừa hành của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Giáo viên: Cao đẳng trở lên
- Nhân viên:
- + Kế toán kiêm văn thư: Đại học

2. Cơ cấu viên chức thực tế có mặt theo vị trí việc làm tại thời điểm 01/9/2024:

- Về số lượng: Hiện nay nhà trường có tổng 40 cán bộ, giáo viên và nhân viên. Trong đó 03 cán bộ quản lý, 30 giáo viên, 7 nhân viên (01 NV Kế toán, 04 Cô nuôi, 02 bảo vệ).

- Chức danh nghề nghiệp:

GV mầm non hạng I:  $02/33=6\%$

GV mầm non hạng II:  $17/33=51\%$

GV mầm non hạng III:  $11/33= 43\%$

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ đội ngũ hiện tại: (Văn bằng) Đại học:  $32/40 = 80\%$ , Cao đẳng:  $2/40= 5\%$ ; khác:  $6/40 = 15\%$

3. Học sinh.

+ Năm học 2023-2024: 337 học sinh chia thành 15 nhóm lớp. ( Tại thời điểm tháng 5/2024)

Trong đó

- Nhóm 25-36 tháng: 74. Có 4 nhóm lớp
- Mẫu giáo: 263. Có 11 nhóm lớp

4. Cơ sở vật chất, phương tiện làm việc.

+ Hiện nay nhà trường có 02 điểm trường, mỗi điểm trường cách nhau 1.5km. Nhà trường có tổng 15 phòng học, 01 phòng họp hội đồng, 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó hiệu trưởng – phòng hành chính, 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng y tế, 02 bếp ăn 1 chiều và 02 lán để xe cho giáo viên. Các phòng học kiên cố khang trang, sạch sẽ, thoáng mát mùa hè, ấm áp về mùa đông. Có 12 công trình vệ sinh dành cho trẻ; 01 công trình vệ sinh dành cho giáo viên.

+ Trường có tường bao ngăn cách với bên ngoài, cổng trường có biển trường đảm bảo an toàn cho trẻ.

+ Sân chơi có đủ các loại đồ chơi ngoài trời.

+Các lớp 100% đủ ghế, bàn ngồi học và tương đối đủ đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho việc dạy học của cô và việc học tập của trẻ.

+Tài liệu, hồ sơ sổ sách của các nhóm lớp cũng như của các tổ chuyên môn đầy đủ

+Nhà trường có 04 máy tính để bàn, 01 máy tính xách tay, 02 máy chiếu ( trong đó có 01 máy đã hỏng ).

+ Nhà trường có 02 bếp ăn 1 chiều có đầy đủ các thiết bị dụng cụ nhà bếp phục vụ ăn bán trú: cụ thể: 02 tủ cơm ga, 02 máy xay thịt, 02 máy sây bát, 04 xe đẩy thức ăn, 04 bàn chia ăn, 02 máy xay sinh tố, ngoài ra còn có đầy đủ bát, thìa, xoong chia ăn, dao thớt, rổ.... phục vụ ăn bán trú.

5. Việc chấp hành quy định của pháp luật và của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thu, quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản các công trình đúng trình tự và đúng quy định

### **Thuận lợi:**

- Trường được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Đảng Ủy ,UBND xã Gia Lương qua việc chỉ đạo trực tiếp của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện. Trường cũng được sự phối hợp của các ngành, đoàn thể trong và ngoài nhà trường, được lãnh đạo của Chi bộ;

- Đội ngũ CB-GV-NV trường đủ về số lượng, biên chế để làm công tác quản lý, chuyên môn và giảng dạy. Trình độ chuyên môn trên chuẩn của giáo viên trường khá cao. Đa số CBQL – GV – NV trường đều nhiệt tình, tâm huyết với nghề, đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm cao;

- Cơ sở vật chất của trường được đảm bảo. Trường có đủ phòng học, có đủ các phòng chức năng, khu hành chính; có sân chơi, bãi tập bằng phẳng, sạch sẽ; có nhà để xe, có khu nhà vệ sinh cho giáo viên và học sinh, có nguồn nước sạch để uống và dùng cho sinh hoạt hàng ngày. Sách giáo khoa, trang thiết bị đảm bảo đủ dùng cho học sinh và giáo viên;

### **Khó khăn – hạn chế:**

- Đội ngũ CBQL – GV của nhà trường tuy có trình độ cao đẳng, đại học khá nhiều nhưng việc ứng dụng CNTT của số giáo viên chưa thật sự tốt.

- Do điều kiện kinh tế gia đình của một số người dân còn khó khăn, thường xuyên dẫn theo con nhỏ đi làm ăn ở xa đã ảnh hưởng rất nhiều đến công tác huy động học sinh ra lớp, đến việc dạy học của cả giáo viên và học sinh, ảnh hưởng đến công tác phổ cập giáo dục của nhà trường;

- CSVN tuy được xã quan tâm đầu tư xây dựng nhưng thiếu sự đồng bộ, hiện tại trường chưa có khối phòng phụ trợ; và 01 phòng họp, 01 phòng nhân viên.

- Diện tích khuôn viên của trường (ở điểm Lũy Dương) khá hẹp, thiếu diện tích đất để xây dựng thêm phòng học.



### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT<sup>4</sup>

#### 1. Phòng học:

Trường có 15 phòng học (điểm chính có 8 phòng, điểm lẻ có 7 phòng). Trong đó phòng học kiên cố: 15 phòng; Phòng giáo dục nghệ thuật: 01 phòng.

#### 2. Khối phòng HCQT và phục vụ học tập:

Trường có 01 Thư viện, 01 phòng Y tế học đường, Khối phòng HCQT gồm: 01 phòng Hiệu trưởng; 01 phòng Phó Hiệu trưởng; 01 phòng Phó hiệu trưởng – Nhân viên; 01 văn phòng.

#### 3. Bàn ghế giáo viên, học sinh và trang thiết bị ĐDDH

Trường có 18 bộ bàn ghế trong phòng họp và 190 bộ bàn ghế học sinh. SGK, tài liệu và thiết bị ĐDDH khác đảm bảo để phục vụ nhu cầu dạy – học của giáo viên và học sinh.

#### 4. Nhà xe, nhà vệ sinh.

- Điểm chính, trường có 1 nhà xe cho giáo viên
- Có 01 khu nhà vệ sinh dùng cho giáo viên và 11 khu nhà vệ sinh cho học sinh riêng (5 ở điểm lẻ và 6 ở điểm chính).

### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC<sup>5</sup>

Nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và năm 2019. Trong nhiều năm liên, nhà trường luôn củng cố, duy trì chất lượng giáo dục để đảm bảo hiệu quả về kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình từng năm.

Năm 2024, trường tiếp tục thực hiện điều chỉnh, bổ sung báo cáo tự đánh giá và thu thập minh chứng kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm tra công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018. Tiến hành cải tiến chất lượng giáo dục theo nội dung tự đánh giá, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, đánh giá tiếp tục công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

### V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ PHƯƠNG HƯỚNG MỤC TIÊU ĐỀ RA CHO NĂM HỌC 2024-2025<sup>6</sup>

- Năm học 2023 – 2024 trường có 15 lớp với 337 học sinh. Về cơ bản nhà trường huy động học sinh đạt trên 100% so chỉ tiêu kế hoạch đề ra đối với khối mẫu giáo và 47.8% so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra đối với khối nhà trẻ.
- Xét học sinh hoàn thành chương trình khối mẫu giáo 5 tuổi tỷ lệ là 97/97=100%

Kết quả chất lượng giáo dục mầm non cuối năm học 2023 – 2024

Năm học 2023 – 2024, nhà trường tiếp tục chỉ đạo dạy học theo định hướng và đạt được kết quả như sau:

Công tác huy động:

Nhà trẻ: 75(74+1)/162 đạt 46.3%;

Mẫu giáo: 279(265+14)/280=99,6%

Riêng trẻ 5 tuổi đạt 88/88 đạt 100%

-100% trẻ đến trường được học 2 buổi/ngày, được ăn bán trú, được phân tách đúng độ tuổi.

- Tỷ lệ toàn trường: Bé chăm 96%, bé ngoan 95,5%, bé ngoan toàn diện 93,8%.

Trong đó:

- Mẫu Giáo:

+ Tỷ lệ bé chăm đạt 97%; Tỷ lệ bé ngoan đạt 96,5%; Tỷ lệ bé ngoan toàn diện đạt: 95%.

- Nhà Trẻ:

+ Tỷ lệ bé chăm đạt 95%; Tỷ lệ bé ngoan đạt: 94%; Tỷ lệ bé TD: 92,5%

### **Kế hoạch năm học 2024-2025:**

Nhà trẻ: 68/141 đạt 48,2%;

Mẫu giáo: 265/265 (21+ 244) đạt 100% (trẻ 5 tuổi đạt 96/96 đạt 100%);

Đôi với công tác huy động trẻ trên địa bàn đi học.

Toàn trường: 333/406= 82%

- Tỷ lệ trẻ trên địa bàn đi học khỏi nhà trẻ: 68/141 cháu đạt 48,2%.

- Tỷ lệ trẻ trên địa bàn đi học khỏi mẫu giáo: 265/265= 100%

- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi trên địa bàn đi học 96/96= 100%

Đôi với công tác huy động trẻ tại xã.

Tỷ lệ trẻ trên địa bàn đi học tại trường 313/406= 77,1%

Tỷ lệ trẻ trên địa bàn đi học tại trường khỏi nhà trẻ: 68/141= 48,2%.

Cụ thể: Nhóm 25-36 tháng tuổi A: 16 cháu; Nhóm 25-36 tháng tuổi B: 16 cháu. Nhóm 25-36 tháng tuổi C: 16 cháu; Nhóm 25-36 tháng tuổi: 16 cháu.

Tỷ lệ trẻ trên địa bàn đi học tại trường mẫu giáo: 245/265= 92,5%.

Cụ thể:

- Khối 3 tuổi tỷ lệ trẻ trên địa bàn học tại trường 71/73 đạt 97,3%, trong đó: 3 tuổi A: 18 cháu; 3 tuổi B: 17 cháu; 3 tuổi C: 18 cháu; 3 tuổi D: 18 trẻ

- Khối 4 tuổi tỷ lệ trẻ trên địa bàn học tại trường 83/96 đạt 86,5%, trong đó: 4 tuổi A: 21 cháu; 4 tuổi B: 27 cháu; 4 tuổi C: 17 cháu; 4 tuổi D: 18 cháu trong đó: 5 tuổi A: 30 cháu; 5 tuổi B: 29 cháu, 5 tuổi C: 32.

-100% trẻ đến trường được học 2 buổi/ngày, được ăn bán trú, được phân tách đúng độ tuổi, được học nghiêm túc, chất lượng Chương trình GDMN. Không dạy trước chương trình.

-100% trẻ đến trường được học 2 buổi/ngày, được ăn bán trú, được phân tách đúng độ tuổi, được học nghiêm túc, chất lượng Chương trình GDMN. Không dạy trước chương trình

- Tỷ lệ toàn trường: Bé chăm 96-98%, bé ngoan 95- 97%, bé ngoan toàn diện 94-96%. Trong đó: Mẫu Giáo: Tỷ lệ bé chăm đạt 97- 99%; Tỷ lệ bé ngoan đạt 96,5- 97%; Tỷ lệ bé ngoan toàn diện đạt: 95- 96%.

- Nhà Trẻ: Tỷ lệ bé chăm đạt 95-97%; Tỷ lệ bé ngoan đạt: 94-96%; Tỷ lệ bé TD: 92,5-94%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH<sup>7</sup>

	Chỉ tiêu	ĐV	Mã số	Quyết toán chi NSNN (năm tài chính n-1)	Chi NSNN	
					Dự toán	Thực hiện
	A	B		1	2	3
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>đồng</b>	<b>01</b>	<b>4.367.151.500</b>	<b>4.367.151.500</b>	<b>4.367.151.500</b>
<b>1</b>	<b>Giáo dục mầm non</b>	<b>đồng</b>	<b>02</b>	<b>4.367.151.500</b>	<b>4.367.151.500</b>	<b>4.367.151.500</b>
1.1	Chia theo nguồn:			4.367.151.500	4.367.151.500	4.367.151.500
1.1.1	Nguồn NSNN	đồng	03	4.367.151.500	4.367.151.500	4.367.151.500
1.1.2	Nguồn phí, lệ phí để lại	đồng	04			
1.1.3	Nguồn khác	đồng	05			
1.2	Chia theo nhóm chi:			<b>4.367.151.500</b>	<b>4.367.151.500</b>	<b>4.367.151.500</b>
1.2.1	Chi thanh toán cá nhân	đồng	06	3.272.892.566	3.272.892.566	3.272.892.566
1.2.2	Chi hàng hóa dịch vụ, sửa chữa	đồng	07	1.035.105.034	1.035.105.034	1.035.105.034
1.2.3	Chi hỗ trợ và bổ sung	đồng	08	10.240.000	10.240.000	10.240.000
1.2.4	Các khoản chi khác	đồng	09	48.913.900	48.913.900	48.913.900
<b>2</b>	<b>Nguồn thu khác ( thu thỏa thuận năm học 2023-2024)</b>	<b>đồng</b>	<b>10</b>	<b>2.135.497.463</b>	<b>2.135.497.463</b>	<b>2.135.497.463</b>
2.1	Tiền ăn bán trú	đồng	11	879.237.546	879.237.546	879.237.546
2.2	Chăm sóc phục vụ bán trú (trả công cô nuôi, trông trưa, quản lý)	đồng	12	455.254.964	455.254.964	455.254.964
2.3	Vệ sinh	đồng	13	26.874.000	26.874.000	26.854.000
2.4	Phụ phí( Chất đốt, điện, nước, tẩy rửa)	đồng	14	91.296.000	91.296.000	91.296.000
2.5	Tiền mua đồ dùng đồ chơi và học liệu cho trẻ (Có danh mục kèm theo-Thu theo	đồng	15	76.900.000	76.900.000	76.900.000
2.6	Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân trẻ	đồng	16	22.998.000	22.998.000	22.998.000
2.7	Vận động tài trợ	đồng	17	50.806.000	50.806.000	50.806.000
2.8	Lãi tiền gửi ngân hàng	đồng	18	214.953	214.953	214.953
2.9	Tiền học thêm hè	Đồng	19	292.104.000	292.104.000	292.104.000
<b>3</b>	<b>Đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức</b>	<b>đồng</b>	<b>20</b>	<b>2.000.000</b>	<b>2.000.000</b>	<b>2.000.000</b>
3.1	Chia theo nguồn:					
3.1.1	Nguồn NSNN	đồng	21	2.000.000	2.000.000	2.000.000
3.1.2	Nguồn phí, lệ phí để lại	đồng	22			
3.1.3	Nguồn khác	đồng	23			
3.2.4	Các khoản chi khác	triệu đồng	24			

## VII.KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC<sup>8</sup>

### 1.Công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch định hướng cho việc thực hiện nhiệm vụ và triển khai đến cán bộ, giáo viên, nhân viên. Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, ban hành kế hoạch giáo dục năm học 2023-2024 phù hợp với điều kiện dạy học theo tình hình thực tế của nhà trường; Hướng dẫn giáo viên và học sinh thực hiện tốt chương trình dạy học và các quy định về đánh giá xếp loại để nâng cao chất lượng giáo dục.

### 2.Quy mô trường, lớp, học sinh

Năm học 2023-2024 trường có 15 lớp với 337/337 học sinh. Trong đó: Khối Nhà trẻ có 4 lớp với 74 học sinh; Khối MG 3 +4 tuổi có 08 lớp có 177 học sinh ( 04 lớp 3 MG tuổi và 04 lớp MG 4 tuổi) Khối 5 tuổi có 3 lớp 88 học sinh.Về cơ bản, năm học 2023 – 2024 nhà trường huy động học sinh đạt 100% so chỉ tiêu kế hoạch đề ra đối với khối mẫu giáo và 47.8% so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra đối với khối nhà trẻ

Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và bảo đảm hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

### 3.Về công tác phổ cập

Về công tác phổ cập giáo dục mầm non năm 2023, đơn vị đã được huyện công nhận đạt mức độ 2. Xã được công nhận đạt phổ cập GDMNTE 5 tuổi.

Năm học 2023 – 2024 đơn vị tiếp tục duy trì thành quả trường đạt chuẩn quốc gia năm 2019. Từng bước hoàn thiện hơn nữa để tiếp tục đạt thành tích cao hơn và tái chuẩn vào năm 2024.

### 4.Kết quả thực hiện chương trình giáo dục mầm non

#### 4.1Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

Nhà trường luôn phân công bảo vệ trực và phối hợp tốt với công an xã nhằm đảm bảo an toàn trong trường học, phòng chống bạo lực học đường, chống xâm hại tình dục cho học sinh, tuyên truyền về phòng chống cháy nổ, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn giao thông...

#### 4.2.Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng theo tinh thần công văn 2345 của Bộ GD&ĐT theo chủ đề, chủ điểm từng tháng phù hợp với khung kế hoạch thời gian năm học. Thực hiện song song chương trình GDMN. Kế hoạch giáo dục được nhà trường xây dựng linh hoạt theo khung chương trình quy định và có chủ động điều chỉnh, bổ sung theo tình hình thực tế của đơn vị.

#### 4.3.Triển khai giáo dục STEM

Năm học này trường khuyến khích giáo viên ứng dụng chương trình Stem vào giảng dạy. Giáo viên thực hiện áp dụng thí điểm chương trình Stem vào một vài hoạt động lồng ghép vào các tiết học, môn học.Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, để có kết quả tốt nhất

#### 5.5.Nâng cao hoạt động của thư viện trường học

Thư viện trường đang ngày càng củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động thu hút giáo viên và học sinh tham gia đọc sách, sưu tầm, tra cứu tài liệu phục vụ công tác dạy – học. Thư viện từng bước chuyển đổi hình thành “Thư viện số” và nâng cấp để xây dựng thư viện đạt chuẩn.



## **5.6. Việc chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo và giáo dục kỹ năng công dân số, thí điểm học bạ số**

*- Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo*

Việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong nhà trường đang chuyển biến mạnh mẽ, cán bộ quản lý, giáo viên và phụ huynh đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý, giảng dạy và học tập. Thực hiện không dùng tiền mặt trong nhà trường. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý; thực hiện linh hoạt chế độ báo cáo nhanh bằng thư điện tử nhằm thu thập và quản lý thông tin kịp thời; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý.

### **\*Việc huy động nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục**

Năm học 2023 – 2024, nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo địa phương và phối hợp tốt với các ban ngành đoàn thể ở địa phương như Trạm Y tế, công an, quân sự, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ xã, đặc biệt là tạo mối quan hệ tốt với Ban đại diện cha mẹ học sinh, các tổ chức nhằm huy động các nguồn lực về tài chính, các nguồn xã hội hóa cho nhà trường. Năm học vừa qua nhà trường đã cơ bản làm tốt về công tác xã hội hoá như vận động các nhà hảo tâm, các công ty doanh nghiệp. Tổng số tiền xã hội hội hóa đến cuối năm được 50.806.000 đồng,

### **\* Công tác truyền thông**

Năm học 2023 – 2024, nhà trường đã làm tốt công tác tuyên truyền như tuyên truyền nâng cao nhận thức cho phụ huynh về công tác xã hội hóa giáo dục, về công tác quan tâm, chăm sóc, giáo dục học sinh. Nâng cao nhận thức cho học sinh về ý thức tự giác học tập, ý thức về vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm...

**HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Thị Ly**







